TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST
Ngày: 11 - 6 - 2025
"*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thuý.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn gạo H (Công Ty TNHH gạo H)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn T, chức danh: chủ tịch kiêm giám đốc công ty.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp T1, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, đại diện của nguyên đơn Công Ty TNHH gạo H - ông Đặng Văn T (Ông T) trình bày:

Vào ngày 13/10/2023 ông Nguyễn Văn H (ông H) có hợp đồng với ông T mua lúa giống của Công ty TNHH gạo H, số lượng và giá cả cụ thể như sau: Ông H mua giống lúa OM18 số lượng 14 tấn 960 kg với giá 14.000 đồng/kg, tổng số tiền mua bán là 209.440.000 đồng. Việc mua bán các bên thoả thuận miệng, không lập hợp đồng nhưng khi giao hàng ông T có ghi hoá đơn bán lẻ và ông H có ký tên xác nhận hàng và nhận nợ. Sau khi nhận hàng ông H đã chuyển trả cho ông T 90.000.000 đồng và còn nợ lại 119.440.000 đồng và hẹn tới vụ thu hoạch lúa ông H sẽ thanh toán hết số tiền còn lại. Tuy nhiên đến vụ thu hoạch lúa ông H không thực hiện trả nợ, ông T đã yêu cầu ông H trả nợ nhưng ông H không thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông T yêu cầu Toà án buộc ông H trả số nợ mua bán là 119.440.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Nguyễn Văn H không có yêu cầu phản tố và có ý kiến trình bày như sau:

Ông H không thống nhất với nội dung yêu cầu của ông T. Ông H xác định bản thân ông H làm trung gian kết nối cho ông T bán lúa giống cho ông Đặng Văn T1 có địa chỉ tại ấp Thuận Tây A, xã Đông Thạnh, An Minh, Kiên Giang để ông T1 bán lại cho người dân. Sau đó ông T1 đã hợp đồng mua bán 15 tấn lúa giống của ông T và ông T1 cũng đã chuyển trả cho ông T số tiền 90.000.000 đồng. Ông H xác định trong giao dịch mua bán giữa ông T và ông T1 thì ông H chỉ đóng vai trò là trung gian kết nối việc mua bán giữa người mua và người bán, trách nhiệm trả nợ tiền mua bán là trách nhiệm của ông T1, ông H không đồng ý trả số tiền mà ông T yêu cầu.

Ông H trình bày việc ông T bán lúa giống cho ông T1 các bên có thoả thuận sau khi người dân thu hoạch lúa ông T sẽ thu mua lại lúa ngang của người dân do ông T1 cung cấp lúa giống. Tuy nhiên sau đó giữa bên ông T và bên ông T1 không thoả thuận được việc mua bán lúa sau thu hoạch nên ông T1 không thanh toán hết số tiền còn lại cho ông T cho đến nay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Trần Thanh T1 có ý kiến trình bày như sau:

Ông T1 không có quan hệ quen biết gì với ông T và là bạn làm ăn với ông H.

Giữa ông T1 và ông T không có hợp đồng mua bán gì với nhau còn việc mua bán lúa giống giữa ông H với ông T thì ông T1 có nắm bắt được như sau: Ông T là người cung cấp lúa giống cho ông H và ông H dùng số lúa giống đó để cung cấp cho ông T2 ở U Minh Thượng. Khi ông H nhận lúa giống từ ông Th thì ông H có thoả thuận hợp tác với ông T1 để cung cấp số lúa giống trên cho ông T2 do ông T2 có quan hệ quen biết và cũng là mối làm ăn của ông T1. Sau khi ông T giao lúa giống cho ông H thì ông H và ông T1 đã giao cho ông T2 nhưng sau đó ông T2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông H mà bỏ trốn. Khi ông H nhận lúa giống ông T1 là người chuyển trả cho ông T1 số tiền 90.000.000 đồng, số tiền còn lại khoảng 120 triệu đồng ông T2 không trả nên ông H chưa trả được nợ cho ông T.

Ông T1 xác định ông T1 hoàn toàn không biết ông T là ai, không tham gia giao dịch hay thoả thuận mua bán gì với ông T. Việc ông H mua lúa giống của ông T thì ông H có trách nhiệm thanh toán nợ cho ông T còn ông T1 hợp tác với ông H giao số lúa mà ông H mua của ông T cho ông T2 nay ông T2 bỏ trốn thì ông T1 đồng ý trả cho ông H ½ số tiền mà ông T2 nợ của ông H. Ông T1 xác định chỉ có trách nhiệm thanh toán nợ nần với ông H, còn với ông T thì không có thoả thuận hay giao dịch gì với ông T nên ông T1 không chịu trách nhiệm gì với ông T.

Ngoài ra ông T1 còn cho biết ông H1 mua lúa giống của ông T1 để bán cho người khác mục đích để kiếm tiền cò (tiền lời), do ông T1 có quan hệ làm ăn với ông T2 trước đó nên ông H mới kéo ông T1 vô hợp tác với ông H để cung cấp lúa cho ông T2.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (một) hoá đơn bán lẻ lập ngày 13/10/2023. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không cung cấp chứng cứ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Không có

Nội dung không thống nhất: Ông T xác định ông H mua lúa giống của ông T và còn nợ số tiền mua bán là 119.440.000 đồng, ông H không thừa nhận mua bán lúa giống của ông T mà xác định là cò (trung gian) kết nối việc mua bán lúa giống giữa ông T với ông T1, ông T1 xác định không có quan hệ mua bán lúa giống với

ông T mà chỉ hợp tác với ông H để giao số lúa mà ông H mua của ông T cho ông T2.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và nguyên đơn , bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Về quan hệ pháp luật của vụ án: Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ quan hệ mua bán, do đó quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Trong quá trình thụ lý Toà án xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Tuy kết trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp của công ty TNHH gạo H và xác định nguồn lúa giống cung cấp cho ông H là của Công ty TNHH gạo H đồng thời qua các tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án (lời khai của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan), Hội đồng xét xử nhận định trong giao dịch mua bán lúa giống thì bên bán là tổ chức có đăng ký kinh doanh còn bên mua lá cá nhân và cả bên bán và bên mua đều có chung mục đích là lợi nhuận nên được xác định là loại án kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chuyển vụ án từ thụ lý vụ án dân sự số: 191/2024/TLST-DS ngày 06/11/2024 thành thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 02/2025/TLST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Việc vắng mặt của đương sự tại phiên toà: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào

khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Tlà đại diện của Công ty TNHH gạo H khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán tiền nợ mua bán lúa giống, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông H không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông T và xác định chủ thể của giao dịch mua bán 14 tấn 960 kg lúa giống loại OM18 là ông T1 và cho rằng ông H chỉ là trung gian cho việc mua bán giữa ông T và ông T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T và ông T1 đều xác định giữa ông T và ông T1 không có giao dịch mua bán lúa giống với nhau, chưa từng biết nhau nên không có các thoả thuận liên quan đến việc mua bán 14 tấn 960 kg lúa giống OM18. Mặc dù ông H cho rằng ông T là người bán lúa giống còn ông T1 là người mua nhưng bản thân ông H cũng xác định ông T1 chỉ liên hệ với ông H còn mọi giao dịch liên quan đến việc mua bán lúa giống như trao đổi thoả thuận về giá cả, số lượng đều do ông H và ông T giao dịch với nhau. Trong hoá đơn bán lẻ thể hiện ông H là người ký xác nhận việc nhận hàng và ông H không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh việc ông T1 là người giao dịch mua bán với ông T và ông T1 đã nhận số lúa giống bán từ ông T nên không có cơ sở để xác định có diễn ra giao dịch mua bán giữa ông T và ông T1 như lời ông H trình bày.

Qua lời trình bày của ông T1 cho biết do ông T có quan hệ quen biết với ông T2 ở U Minh Thượng và ông T2 là mối làm ăn của ông T1 nên sau khi ông H nhận lúa giống từ ông T thì ông H mới thoả thuận hợp tác với ông T1 để cung cấp số lúa giống cho ông T2. Như vậy ông T1 chỉ có liên quan đến việc ông H1 cung cấp lúa giống cho ông T2 đồng thời khi ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua lúa giống cho ông H thì ông T1 cũng đã xác định trách nhiệm của mình trả cho ông H ½ số tiền mà ông T2 nợ của ông H. Việc ông T1 xác nhận quan hệ hợp tác làm ăn với ông H để giao lúa cho ông T2 và không xác nhận quan hệ mua bán với ông T là cơ sở để xác định ông T1 không có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ mua bán cho ông T.

Quá trình giải quyết vụ án ông T cung cấp chứng cứ là 01 Hoá đơn bán lẻ đề ngày 13/10/2023 thể hiện có chữ ký xác nhận bên mua hàng là ông H, ông Hthừa nhận chữ ký tên và viết họ tên của mình trong hoá đơn bán lẻ này là do ông H ký. Tại phiên toà ông H trình bày ông H chỉ xác nhận chữ ký tên của mình trong hoá

đơn bán lẻ và thời điểm ký tên vào hoá đơn này thì ông H chỉ ký xác nhận đã nhận 2.600kg lúa giống nhưng nội dung hoá đơn lại thể hiện khối lượng lúa giống và số tiền nợ không đúng với số lượng lúa giống mà ông H đã nhận. Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án giữa ông H và ông T đều xác định ông T đã cung cấp số lượng lúa giống OM18 là 14 tấn 960kg tính thành tiền là 209.440.000 đồng và ông T1 đã chuyển trả được 90.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 119.440.000 đồng, đối chiếu với dữ liệu trong chứng cứ là hoá đơn bán lẻ cũng thể hiện số tiền nợ còn lại là 119.440.000 đồng và như vậy số tiền mua bán còn thiếu trong hoá đơn bán lẻ là hoàn toàn phù hợp với nội dung xác nhận số nợ giữa ông T và ông H do đó không có cơ sở để xác định nội dung của hoá đơn là không phản ánh đúng số nợ mà nguyên đơn đã yêu cầu.

Căn cứ vào Hoá đơn bán lẻ ngày 13/10/2023 thể hiện ông H đã ký xác nhận là bên nhận hàng nên ông H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán lúa giống cho ông T là phù hợp với chứng cứ trực tiếp của vụ án. Do đó căn cứ vào Điều 50 Luật thương mại, Điều 440 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T cần buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua bán lúa giống cho ông T là 119.440.000 đồng.

Ghi nhận ý kiến của ông T chỉ yêu cầu ông H trả số nợ mua bán là 119.440.000 đồng và không yêu cầu ông H phải trả lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[3] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên buộc ông H phải nộp án phí có giá ngạch, cụ thể như sau: 119.440.000 đồng x 5% = 5.972.000 đồng.

Ông T được hoàn trả số tiền nộp tạm ứng án phí là 2.968.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 24, Điều 50 Luật thương mại 2005; Điều 280, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đặng Văn T số tiền nợ mua bán là 119.440.000 đồng (Một trăm mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận ý kiến của ông Đặng Văn T không yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải trả lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc ông Nguyễn Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5.972.000 đồng (Năm triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Ông Đặng Văn T được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 2.986.000 đồng (Hai triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003396 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 11/6/2025. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm